

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2022

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em
2. Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26/01/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn L, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp A, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp B, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Nguyễn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Ngọc M tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn muộn vào năm 2007 tại UBND xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn

Ngọc M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 01/7/2003. Con chung hiện đang có việc làm ổn định đủ khả năng tự lo cho bản thân.

Về tài sản chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung là không có nợ ai và cũng không có cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Ngọc M mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn L đã nộp cho Tòa án Trích lục kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh, đơn xin xác nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn L và chị Nguyễn Ngọc M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho anh Nguyễn L và chị Nguyễn Ngọc M hòa giải với nhau nhưng không mang lại kết quả. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của anh Nguyễn L và chị Nguyễn Ngọc M đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn L được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc M.

Do hôn nhân của anh Nguyễn L và chị Nguyễn Ngọc M được xác lập vào năm 2007 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 11, 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 01/7/2003. Con chung đã trưởng thành hiện đang có việc làm ổn định đủ khả năng tự lo cho bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 11, 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn L, anh Nguyễn L được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc M.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn L phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0002512 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, anh Nguyễn L không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Mỹ Trúc